QUẢN HÀ HƯNG

MODULE TH 17

SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Trong xu thế đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) ở tiểu học hiện nay, người giáo viên (GV) không những phải nắm chắc nội dung, chương trình, PPDH đặc thù của từng môn học, mà còn phải hiểu rõ vai trò, tác dụng cũng như phương pháp sử dụng các bộ thiết bị dạy học (TBDH), từ đó sử dụng hiệu quả chung trong quá trình hình thành kiến thức, giúp học sinh (HS) lĩnh hội kiến thức một cách dễ dàng hơn, chính xác hơn và bền vững hơn. Làm được điều này cũng chính là chúng ta đã góp một phần quan trọng vào việc đổi mới PPDH ở tiểu học.

Module này sẽ tập trung làm rõ một số khái niệm liên quan đến TBDH, tìm hiểu hệ thống, đặc điểm của TBDH các môn học cũng như các nguyên tắc sử dụng TBDH ở tiểu học sao cho có hiệu quả.

B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, người học cần:

- Hiểu được vị trí, vai trò của công tác TBDH trong trường tiểu học.
- Hiểu và trình bày được hệ thống các TBDH ở trường tiểu học.
- Thực hành và sử dụng được một số TBDH trong các môn học ở tiểu học.

C. NỘI DUNG

Nội dung

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM THIẾT BỊ DẠY HỌC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm thiết bị dạy học

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Hệ thống cơ sở vật chất trong nhà trường

Mỗi trường học muốn tồn tại và phát triển phải có hệ thống cơ sở vật chất trường học; hệ thống đó được mô tả bởi sơ đồ sau:

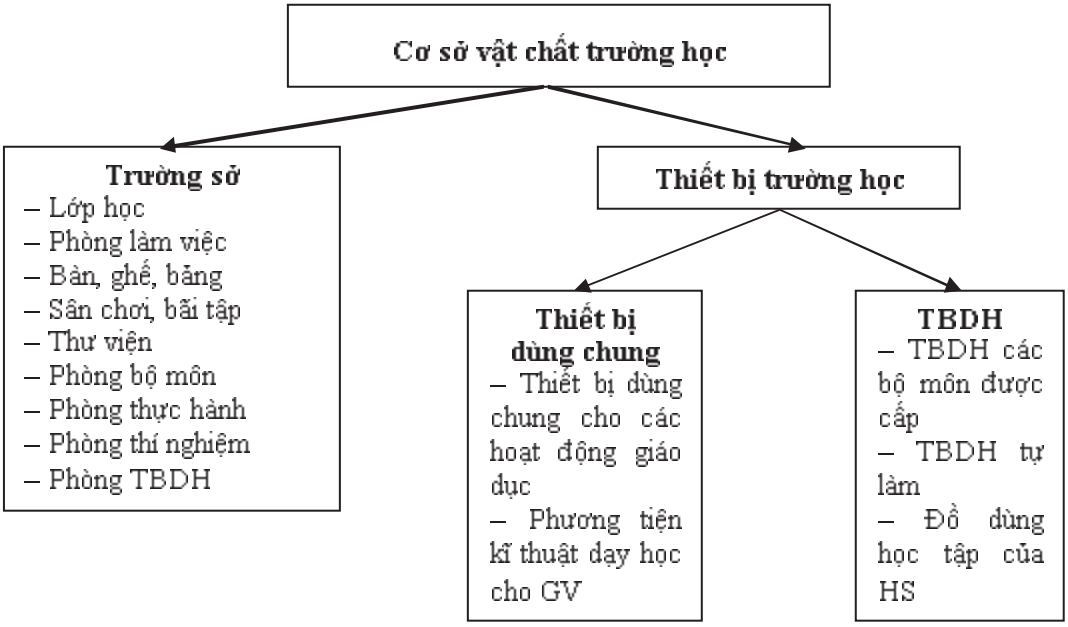

Sơ đồ 1. Hệ thống cơ sở vật chất trong nhà trường

TBDH là một bộ phận của hệ thống cơ sở vật chất trường học.

2. Khái niệm thiết bị dạy học

Hiện nay, trong các nhà trường phổ thông còn tồn tại khá nhiều các tên gọi khác nhau về lĩnh vực TBDH. Ngay trong các văn bản quản lí nhà nước của ngành Giáo dục và Đào tạo cũng chưa nhất quán về tên gọi. Từ "equipment" được giải nghĩa và được hiểu là thiết bị, dụng cụ, đồ dùng, đồ nghề.

Vì vậy các tên gọi sau đây thường được sử dụng trong ngôn ngữ nói và viết hiện nay:

– ***Đồ dùng dạy học*: Hiểu một cách đơn giản thì đồ dùng dạy học bao gồm:**

+ **Đồ dùng dạy học của GV;**
+ **Đồ dùng học tập của HS;**
+ **Thiết bị kèm theo.**

– ***Thiết bị giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)*: Thiết bị giáo dục bao gồm thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập ở tại lớp, thiết bị phòng thí nghiệm, thiết bị thể dục thể thao, thiết bị nhạc, hoạ và các thiết bị khác trong xưởng trường, vườn trường, phòng truyền thống nhằm đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.**

Về bản chất, các tên gọi trên đều phản ánh *các đấu hiệu chung* như sau:

– Đó là tất cả những phương tiện rất cần thiết cho GV và HS tổ chức và tiến hành hợp lí, có hiệu quả quá trình giáo dục và dạy học ở các môn học, cấp học.

– Đó là một vật thể hoặc một tập hợp đối tượng vật chất mà người GV sử dụng với tư cách là phương tiện điều khiển hoạt động nhận thức; là phương tiện giúp HS lĩnh hội khái niệm, định luật, thuyết khoa học,... nhằm hình thành ở HS các kĩ năng, kĩ xảo, đảm bảo việc giáo dục, phục vụ mục đích dạy học và giáo dục.

– Vị trí của TBDH trong cấu trúc hệ thống cơ sở vật chất trường học như được mô tả trong *Sơ đồ 1* là thành tố chủ yếu và quan trọng nhất. Từ đó, chúng ta có thể đưa ra một định nghĩa tương đối đầy đủ và hoàn chỉnh về TBDH như sau:

Thiết bị dạy học là hệ thống đối tượng vật chất và những phương tiện kĩ thuật được GV và HS sử dụng trong quá trình dạy học nhằm thực hiện mục đích dạy học.

3. Các nhiệm vụ và yêu cầu của thiết bị dạy học

– TBDH là công cụ đặc thù của lao động sư phạm.

– TBDH phải cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về hiện tượng, đối tượng, quá trình nghiên cứu.

– TBDH phải nâng cao hiệu quả dạy học, tăng cường nhịp độ trình bày tài liệu và chuyển tải thông tin.

– TBDH phải thoả mãn nhu cầu và sự say mê của HS.

– TBDH phải làm giảm nhẹ cường độ lao động sư phạm của người dạy và người học.

– TBDH phải nâng cao tính trực quan cho quá trình dạy học.

– TBDH phải đảm bảo tính hệ thống (đầy đủ và đồng bộ).

– TBDH phải đảm bảo tính khoa học, hiệu quả.

– TBDH phải đảm bảo tính sư phạm.

– TBDH phải đảm bảo tính an toàn.

– TBDH phải đảm bảo tính mĩ thuật.

– TBDH phải đảm bảo tính dùng chung tối ưu cho một bộ môn, cho nhiều bộ môn, cho nhiều hoạt động.

II. NHIỆM VỤ

1. Đọc thông tin hoạt động 1.

2. Hệ thống cơ sở vật chất ở một nhà trường phổ thông bao gồm các thành phần nào?

3. Thảo luận nhóm, đại diện các nhóm trình bày về các nhiệm vụ và yêu cầu của TBDH trong quá trình dạy học ở tiểu học.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Hãy trình bày khái niệm TBDH.

2. Nêu và phân tích các nhiệm vụ của TBDH.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Trong lịch sử phát triển của quá trình dạy học, có một số khái niệm về TBDH như:

- **Đồ dùng dạy học;**
- **TBDH;**
- **Thiết bị giáo dục;**
- **Phương tiện dạy học.**

Tuy nhiên sự phân biệt các khái niệm này cũng chỉ mang tính chất tương đối. Vì vậy cần nắm được các đặc điểm mang tính bản chất của các khái niệm có liên quan đến TBDH để từ đó nắm vững định nghĩa tương đối đầy đủ và hoàn chỉnh về TBDH như sau:

Thiết bị dạy học là hệ thống đối tượng vật chất và những phương tiện kĩ thuật được GV và HS sử dụng trong quá trình dạy học nhằm thực hiện mục đích dạy học.

2. Để trả lời được câu hỏi này, cần làm rõ 2 vấn đề sau:

- **Nêu đầy đủ các nhiệm vụ và yêu cầu của TBDH.**
- **Phân tích và lấy ví dụ minh hoạ nhằm làm rõ cho từng yêu cầu.**

Hoạt động 2: Tìm hiểu vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa thiết bị dạy học với các hoạt động trong nhà trường tiểu học

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Bản chất của thiết bị dạy học

- TBDH phản ánh các đối tượng nghiên cứu, phản ánh quá trình dạy và học.
- TBDH chứa đựng thông tin về các đối tượng nhận thức.
- TBDH là phương tiện tái hiện kiến thức và phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học.
- TBDH là phương tiện rút ngắn quá trình nhận thức và tạo niềm tin khoa học.
- TBDH hàm chứa nội dung và PPDH.

2. Các chức năng cơ bản của thiết bị dạy học

2.1. Chức năng cơ bản và quan trọng nhất của thiết bị dạy học là chức năng thông tin

TBDH chứa đầy đủ thông tin (kiến thức) về nội dung dạy học. Người dạy hiểu biết về những thông tin đó và sử dụng TBDH để chuyển tải thông tin đến người học.

TBDH chứa thông tin về PPDH, nó hướng người dạy đến việc lựa chọn PPDH nào là hợp lí và hiệu quả.

2.2. Thiết bị dạy học có chức năng phản ánh

TBDH là hiện thực khách quan (hoặc mô tả hiện thực khách quan một cách ước lệ), vì vậy nó phản ánh các sự vật, hiện tượng, các quá trình, các quy luật khách quan của xã hội, của tự nhiên và của tư duy. Các nội dung và chi tiết mà nó phản ánh sẽ được người dạy và người học tiếp nhận trong quá trình dạy học và cùng nhau tương tác, phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

2.3. Thiết bị dạy học có chức năng giáo dục

TBDH có khả năng làm cho quá trình giáo dục trở thành quá trình tự giáo dục, quá trình nhận thức trở thành quá trình tự nhận thức, quá trình dạy học trở thành quá trình tự học của HS. HS có thể làm việc với TBDH để tự học, tự nhận thức với sự hướng dẫn, định hướng của GV.

TBDH hàm chứa tư duy của các nhà khoa học. Ví như TBDH về "Vòng tuần hoàn của nước" hàm chứa nội dung của vấn đề nghiên cứu là

"Vòng tuần hoàn của nước trong thiên nhiên", hàm chứa quá trình nghiên cứu tìm ra quy trình của nhà khoa học. HS không chỉ tiếp nhận tri thức, mà thông qua làm việc với TBDH, HS còn nhận thức cả cách suy nghĩ, cách làm của các nhà khoa học.

TBDH hàm chứa quá trình phát triển của nền văn minh nhân loại, vì vậy nó có chức năng giáo dục toàn diện.

2.4. Thiết bị dạy học có chức năng phục vụ

TBDH là phương tiện phục vụ trực tiếp cho GV và HS hoạt động trong quá trình dạy học nói chung, cho từng bài học, từng đơn vị kiến thức trong một bài học nói riêng.

3. Vị trí và mối quan hệ giữa thiết bị dạy học với các thành tố khác của quá trình dạy học

Quá trình dạy học bao gồm 6 thành tố cơ bản: mục tiêu, nội dung, phương pháp, TBDH (phương tiện), người dạy, người học. Các thành tố này tương tác qua lại tạo thành một chỉnh thể vận hành trong môi trường giáo dục của nhà trường và môi trường kinh tế – xã hội của cộng đồng.

Mối quan hệ giữa TBDH với các thành tố khác của quá trình dạy học có thể được biểu diễn theo sơ đồ sau:

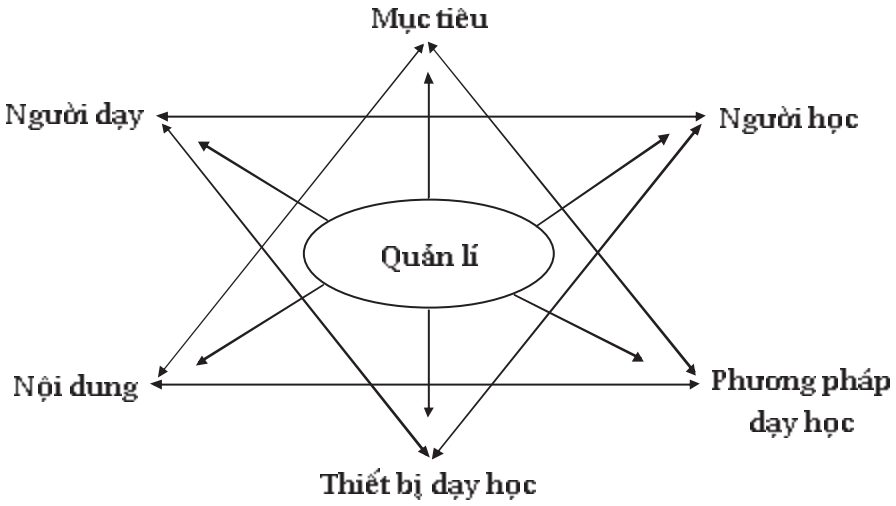

Sơ đồ 2. Mối quan hệ giữa TBDH với các thành tố khác của quá trình dạy học

Mục tiêu dạy học của nhà trường phụ thuộc và nhằm đáp ứng mục tiêu kinh tế – xã hội.

Mục tiêu dạy học như thế nào sẽ có nội dung dạy học đáp ứng được mục tiêu đó. Để thực hiện được mục tiêu và nội dung dạy học, phải có PPDH thích hợp. Muốn thực hiện tốt PPDH thì phải có TBDH. Người dạy và người học tác động lẫn nhau; thông qua TBDH, người dạy truyền đạt và người học chiếm lĩnh nội dung dạy học theo mục tiêu dạy học.

TBDH là một trong những thành tố quan trọng của quá trình dạy học. TBDH không chỉ minh hoạ hoặc trực quan hoá các nội dung dạy học, mà còn chứa đựng nội dung dạy học. Đặc biệt TBDH có mối quan hệ khăng khít với PPDH.

Mặt khác, nội dung, PPDH không những chỉ được xác định dựa vào mục tiêu giáo dục mà còn được xác định dựa vào thực tế TBDH mà nhà trường có thể có.

Như vậy TBDH vừa mang tính độc lập, vừa phụ thuộc và tác động lẫn nhau với các thành tố khác của quá trình dạy học.

TBDH có vị trí quan trọng đối với tất cả các môn học ở trường tiểu học, nhưng đặc biệt quan trọng hơn đối với các môn khoa học thực nghiệm như: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Toán. Các môn học này đã coi thực nghiệm là phương pháp cơ bản để tiếp thu kiến thức: tìm kiếm những dữ liệu, khám phá những nguyên lí, những định luật, những quá trình. Thông qua thí nghiệm, HS được rèn luyện kĩ năng về trí tuệ và kĩ năng thực hành.

TBDH tự nó là minh chứng khách quan chứa đựng nội dung dạy học, nó là phương tiện cho hoạt động nhận thức, là điều kiện để các lực lượng giáo dục thực hiện chức năng và nhiệm vụ dạy học, đồng thời nó kết nối các hoạt động bên trong nhà trường và nhà trường với bên ngoài.

Tóm lại:

TBDH có vị trí quan trọng trong trường phổ thông. Trong quá trình dạy học, TBDH chịu sự chi phối của nội dung và PPDH.

Nội dung dạy học quy định những đặc điểm cơ bản của TBDH. Và TBDH lại được lựa chọn để đáp ứng được nội dung chương trình, đồng thời TBDH cũng phải thoả mãn các yêu cầu về sư phạm, kinh tế và yêu cầu về thẩm mĩ, sự an toàn cho GV và HS.

Trong đổi mới PPDH theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của HS, bồi dưỡng năng lực thực hành, để HS có thể tự học, tự nghiên cứu, tìm tòi, khám phá kiến thức thì TBDH giữ vai trò vô cùng quan trọng.

4. Vai trò của thiết bị dạy học trong quá trình dạy học

Nghị quyết 40/2000/QH10 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đã nêu rõ: "*Đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy và học phải được thực hiện đồng bộ với nâng cấp và đổi mới trang thiết bị dạy học*".

4.1. Vai trò của thiết bị dạy học đối với phương pháp dạy học

TBDH góp phần nâng cao tính trực quan của quá trình dạy học, giúp HS nhận ra những sự việc, hiện tượng, khái niệm một cách cụ thể hơn, dễ dàng hơn. Mặt khác, thiết bị dạy học cũng là nguồn tri thức với tư cách là phương tiện chứa đựng và chuyển tải thông tin đến người học.

TBDH hướng dẫn những hoạt động nhận thức của HS: thông qua các thí nghiệm, thực hành, thông qua việc kết hợp đặt các câu hỏi gợi mở để giúp HS phát triển tư duy.

Thông qua quá trình làm việc với các TBDH, HS sẽ được sử dụng các TBDH, tiến hành các thí nghiệm, thực hành, thu thập các dữ liệu, quan sát hiện tượng, phân tích kết quả, rút ra kết luận, phát triển khả năng phân tích, tổng hợp,... từ đó nâng cao khả năng tự lực nắm vững kiến thức, phát triển kĩ năng về trí tuệ và rèn luyện kĩ năng thực hành của HS.

Sử dụng hợp lí các TBDH sẽ thu hút sự chú ý của HS, gây hứng thú trong học tập, từ đó giúp cho HS có động cơ học tập tốt hơn. Ngoài ra, sử dụng TBDH là đã trực quan hoá các khái niệm trừu tượng, hiện tượng, nguyên lí, định luật,... nên sẽ giúp cho HS dễ nhận biết và lưu giữ trong trí nhớ được lâu hơn.

Bảng 1: Mối quan hệ giữa thiết bị dạy học với kết quả nhận thức

Ghi nhớ sau 3 giờ	Phương tiện và thiết bị dạy học	Ghi nhớ sau 3 ngày
30%	← Lời nói →	10%
60%	← Hình ảnh →	20%
80%	← Lời nói và hình ảnh →	70%
90%	← Lời nói, hình ảnh và hành động →	80%
99%	← Tự khám phá →	90%

Sử dụng các TBDH trong khi tiến hành các thí nghiệm, thực hành giúp rèn luyện tính kiên trì, cẩn thận, khéo léo, cần cù và trung thực của HS. Qua đó rèn luyện lòng say mê nghiên cứu, mong muốn tìm kiếm kiến thức, đam mê khoa học.

Sử dụng TBDH một cách hợp lí, đúng lúc, đúng chỗ sẽ đem lại hiệu quả cao trong dạy học. Việc sử dụng có hiệu quả các TBDH phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, sự sáng tạo mang tính nghệ thuật của mỗi GV. Hiện nay, để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông, việc sử dụng các TBDH lại càng quan trọng, góp phần thúc đẩy việc đổi mới PPDH nhằm thực hiện có hiệu quả quá trình dạy và học ở trường phổ thông.

TBDH có tầm quan trọng đặc biệt trong đổi mới PPDH. Đổi mới PPDH là tìm cách tốt nhất phát huy hiệu quả của hệ thống PPDH đang có trên cơ sở sử dụng các thành tựu khoa học – công nghệ, đặc biệt là CNTT và truyền thông. Các tiêu chí của đổi mới PPDH là:

- Thay đổi cách thức *dạy* và cách thức *học* để có được hiệu quả tốt nhất.
- Thay đổi cách thức *tổ chức* dạy và cách thức tổ chức học để có được hiệu quả tốt nhất.
- Thay đổi các *điều kiện* để phát huy hiệu quả của các PPDH hiện hành.
- Sử dụng *công nghệ – kĩ thuật tiên tiến* vào dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông.

4.2. Vai trò của thiết bị dạy học đối với nội dung dạy học

TBDH đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của từng đơn vị kiến thức, mục tiêu của từng bài học, vì vậy nó có vai trò đảm bảo cho việc thực hiện có hiệu quả cao nhất các yêu cầu của chương trình và nội dung sách giáo khoa.

TBDH đảm bảo cho việc phục vụ trực tiếp cho GV và HS cùng nhau tổ chức các hình thức dạy học, tổ chức nghiên cứu từng đơn vị kiến thức của bài học nói riêng và tổ chức cả quá trình dạy học nói chung.

TBDH đảm bảo cho khả năng truyền đạt của GV và khả năng lĩnh hội của HS theo đúng yêu cầu nội dung chương trình, nội dung bài học đối với mỗi khối lớp, mỗi cấp học, bậc học.

II. NHIỆM VỤ

1. Đọc thông tin hoạt động 2.

2. TBDH có những chức năng gì?

3. Thảo luận nhóm về vị trí, vai trò và mối quan hệ của TBDH với các thành tố khác của quá trình dạy học.

III. ĐÁNH GIÁ

Hãy khoanh vào câu trả lời đúng nhất:

1. Chức năng của TBDH trong việc dạy và học ở bậc Tiểu học là:

A. thông tin, phản ánh, giáo dục, phục vụ.

B. giáo dục, thông tin, phản ánh, phục vụ.

C. phản ánh, giáo dục, thông tin, phục vụ.

2. Chức năng cơ bản và quan trọng nhất của TBDH ở tiểu học là:

A. giáo dục. B. phản ánh. C. thông tin. D. phục vụ.

3. Vai trò của thiết bị dạy học đối với phương pháp và nội dung dạy học trong xu thế đổi mới cách thức tổ chức dạy và học hiện nay.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. A

2. C

3. *Vai trò của thiết bị dạy học đối với PPDH*: Thể hiện qua các ý:

- TBDH góp phần nâng cao tính trực quan của quá trình dạy học.
- TBDH hướng dẫn những hoạt động nhận thức của HS.
- Thông qua quá trình làm việc với các TBDH, HS phát triển khả năng tự lực nắm vững những kiến thức, kĩ năng.
- Sử dụng TBDH một cách hợp lí, đúng lúc, đúng chỗ sẽ đem lại hiệu quả cao trong dạy học.

Vai trò của thiết bị dạy học đối với nội dung dạy học:

- TBDH đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của từng đơn vị kiến thức, mục tiêu của từng bài học, vì vậy nó có vai trò đảm bảo cho việc thực hiện có hiệu quả cao nhất các yêu cầu của chương trình và nội dung sách giáo khoa.
- TBDH đảm bảo cho việc phục vụ trực tiếp cho GV và HS cùng nhau tổ chức các hình thức dạy học, tổ chức nghiên cứu từng đơn vị kiến thức của bài học nói riêng và tổ chức cả quá trình dạy học nói chung.

– **TBDH đảm bảo cho khả năng truyền đạt của GV và khả năng lĩnh hội của HS theo đúng yêu cầu nội dung chương trình, nội dung bài học đối với mỗi khối lớp, mỗi cấp học, bậc học.**

Hoạt động 3: Thực hành tìm hiểu hệ thống các loại thiết bị dạy học ở tiểu học

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Hệ thống thiết bị dạy học ở trường tiểu học

Cấu trúc hệ thống TBDH ở trường tiểu học được mô tả bởi sơ đồ sau:

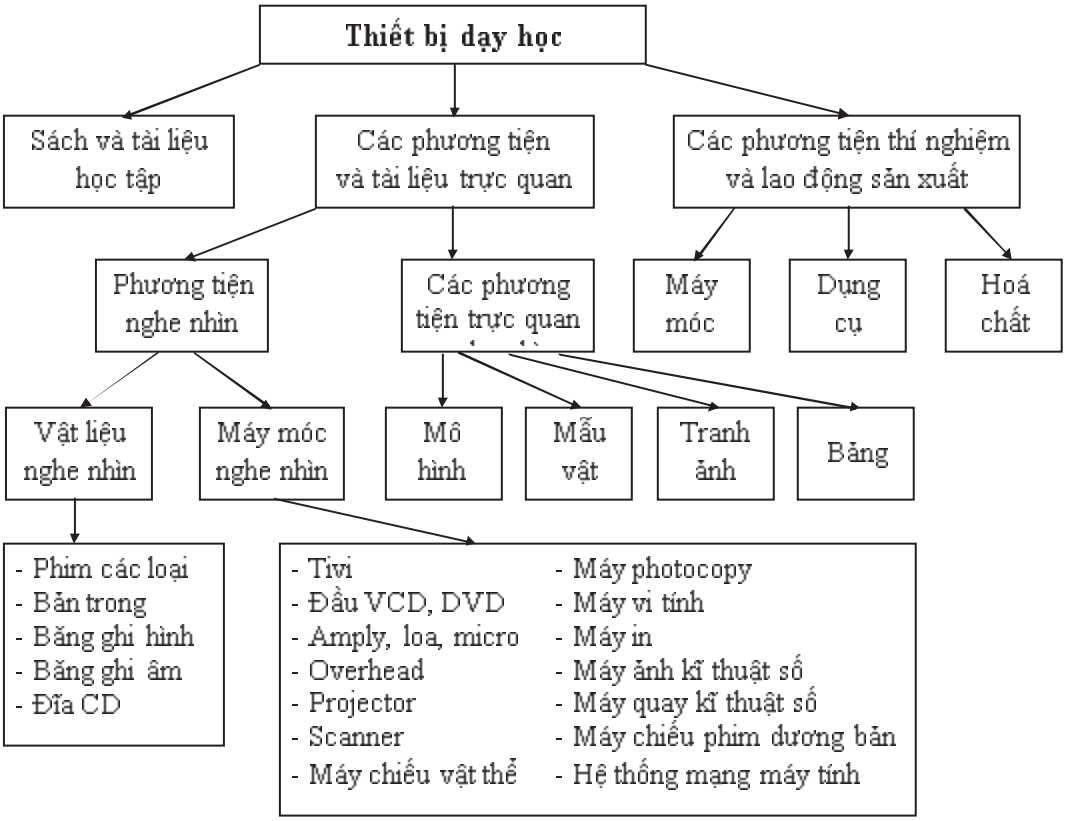

Sơ đồ 3. Cấu trúc hệ thống thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông

2. Phân loại, đặc điểm, hình thức sử dụng các loại hình thiết bị dạy học ở tiểu học

2.1. Phân loại

– Nhóm TBDH truyền thống (không dùng năng lượng điện), bao gồm các loại thiết bị: tranh ảnh; bảng biểu; bản đồ; sơ đồ; dụng cụ; mô hình; mẫu vật; các hình minh hoạ trong sách giáo khoa.

– Nhóm TBDH hiện đại (dùng năng lượng điện) bao gồm các loại thiết bị: máy chiếu, phim đèn chiếu, băng ghi âm, ghi hình,...

2.2. Đặc điểm, hình thức sử dụng

* *Nhóm TBDH truyền thống*:

– Đặc điểm: Đây là những TBDH đã có từ rất lâu đời, ngay từ khi nghề dạy học xuất hiện. Loại thiết bị này được dùng rộng rãi trong các nhà trường. Qua TBDH này, dưới sự hướng dẫn của GV, HS sẽ tiếp thu những kiến thức, kĩ năng cần phải đạt được.

– Những ưu điểm nổi bật khi sử dụng loại TBDH truyền thống:

+ Những thông tin trên các thiết bị đó được khai thác trực tiếp. Ví dụ: Nhìn vào sơ đồ "Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên", HS cũng có thể mô tả được vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu.

+ TBDH truyền thống rẻ tiền, do đó có thể trang bị đại trà và đầy đủ cho các bộ môn.

+ Một ưu điểm nổi bật là nhiều thiết bị truyền thống GV có thể tự thiết kế, tự làm. Điều đó thúc đẩy sự say mê, phát huy sáng kiến của các GV trong việc tự làm TBDH.

+ Các TBDH truyền thống dễ bảo quản, dùng được nhiều lần.

– Một số hạn chế khi sử dụng các TBDH truyền thống:

+ Những TBDH truyền thống phần lớn là cồng kềnh, tốn diện tích để cất giữ.

+ Các TBDH truyền thống thường chỉ có thể mô tả, biểu diễn được các hình ảnh tĩnh, khó mô tả được các hình ảnh động hoặc không mô tả được quá trình của hiện tượng, nguyên lí hoạt động.

* *Nhóm TBDH hiện đại*:

– Đặc điểm: TBDH hiện đại có một đặc điểm quan trọng là muốn khai thác thông tin trong từng loại thiết bị luôn cần phải có máy móc tương ứng.

Ví dụ:

+ Khai thác thông tin trên giấy trong cần phải có máy chiếu hắt.
+ Sử dụng phim slide cần phải có máy chiếu slide.
+ Sử dụng băng, đĩa ghi âm cần phải có radio cassette, đầu đĩa CD, máy vi tính,...
+ Sử dụng băng đĩa ghi hình cần phải có đầu video, đầu đĩa VCD, máy tính.
+ Sử dụng các phần mềm dạy học cần thiết phải có máy vi tính.

– Những ưu điểm nổi bật khi sử dụng các TBDH hiện đại:

Mỗi một loại TBDH hiện đại đều có những ưu điểm và công dụng riêng. Tuy nhiên, có thể mô tả những ưu điểm khái quát của các loại thiết bị này như sau:

+ Mang lượng lớn những thông tin cần thiết cho việc dạy và học. Lượng thông tin này được chọn lọc ở mức độ cần thiết thoả mãn cho mọi đối tượng.
+ Có thể trình bày được các thông tin một cách cụ thể, trực quan, dễ hiểu làm cho HS dễ dàng tiếp thu nội dung chương trình. Đồng thời nó cũng có khả năng cung cấp thêm những tài liệu đa dạng, phong phú giúp cho việc tự học, tự nghiên cứu của GV, HS (phần mềm dạy học).
+ Gọn nhẹ, dễ bảo quản, sử dụng được nhiều lần.
+ Sử dụng phương tiện hiện đại sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc đổi mới nội dung chương trình, phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học.

– Một số hạn chế khi sử dụng các TBDH hiện đại:

+ Cần thiết phải có lưới điện quốc gia.
+ Các thiết bị thường đắt tiền, do vậy không thể trang bị đại trà, đầy đủ theo nhu cầu giảng dạy của các bộ môn.
+ Cần được bảo quản cẩn thận và cần có phòng riêng với hệ thống điều hoà không khí.
+ Để sử dụng được, người sử dụng cần có trình độ hoặc được huấn luyện.

2.3. Nguyên tắc và quy trình sử dụng thiết bị dạy học ở tiểu học

* Nguyên tắc sử dụng TBDH ở tiểu học:

– Quan niệm đúng về việc sử dụng TBDH:

Mục đích chủ yếu của việc sử dụng các TBDH là tạo ra chỗ dựa trực quan để phát triển tư duy, vì vậy khi sử dụng các TBDH thì TBDH đó phải phản ánh và thể hiện rõ ràng các dấu hiệu bản chất của nội dung dạy học.

Người GV cần chú ý tránh sử dụng tuỳ tiện, thiếu mẫu mực các đồ dùng dạy học. Cũng không nên sử dụng TBDH có hình thức và màu sắc quá cầu kì, vì đôi khi nó làm che lấp mất dấu hiệu bản chất của nội dung cần dạy.

– Sử dụng TBDH phải phù hợp với mức độ yêu cầu và nội dung bài học của từng lớp.

  Điều này phải bắt đầu từ sự phân tích nội dung và PPDH, trên cơ sở đó lựa chọn thiết bị và xác định phương pháp sử dụng thích hợp.

– Thao tác chính xác, rõ ràng, đúng trình tự, có dụng ý sư phạm xác định.

  Đây là yêu cầu cơ bản đối với GV tiểu học khi sử dụng TBDH. Bởi vì sự gương mẫu của GV khi nói, viết, vẽ hình kết hợp với các động tác sử dụng TBDH đều vô cùng quan trọng và cần thiết. Đó được coi như một hình ảnh trực quan thiết thực để HS noi theo.

  Việc sử dụng TBDH không chỉ dừng lại ở yêu cầu GV phải thao tác chính xác, rõ ràng, đúng trình tự mà còn yêu cầu GV phải tổ chức, hướng dẫn các thao tác sử dụng đồ dùng học tập của HS, giúp HS hoạt động trên bộ đồ dùng cá nhân, để từ đó các em tự tìm tòi và phát hiện ra những kiến thức mới.

  Hơn thế nữa, sử dụng TBDH phải đúng lúc, đúng chỗ và đúng cách: Sau khi đã sử dụng các đồ dùng trực quan để hình thành kiến thức mới, thì khi luyện tập, thực hành các kiến thức đó, nên hạn chế dần, thậm chí cấm sử dụng TBDH, chỉ khi nào thấy cần thiết mới sử dụng để hỗ trợ, củng cố các tri thức đã học.

– Chuyển dần, chuyển kịp thời các phương tiện trực quan từ dạng cụ thể sang dạng trừu tượng hơn.

  Như đã biết, các TBDH ở tiểu học mang nặng tính trực quan cụ thể, đặc biệt là ở giai đoạn 1 (chủ yếu là các vật thực, tranh, ảnh,...), nhưng một yêu cầu đặt ra khi sử dụng là phải chuyển từ vật "cụ thể" sang vật "ít cụ thể" hơn.

– Không lạm dụng TBDH.

  Việc lạm dụng TBDH thể hiện ở chỗ sử dụng không đúng lúc, đúng chỗ, không đúng mục đích, yêu cầu, nội dung của bài học và không nâng dần mức độ trừu tượng.

* **Quy trình sử dụng TBDH ở tiểu học:**

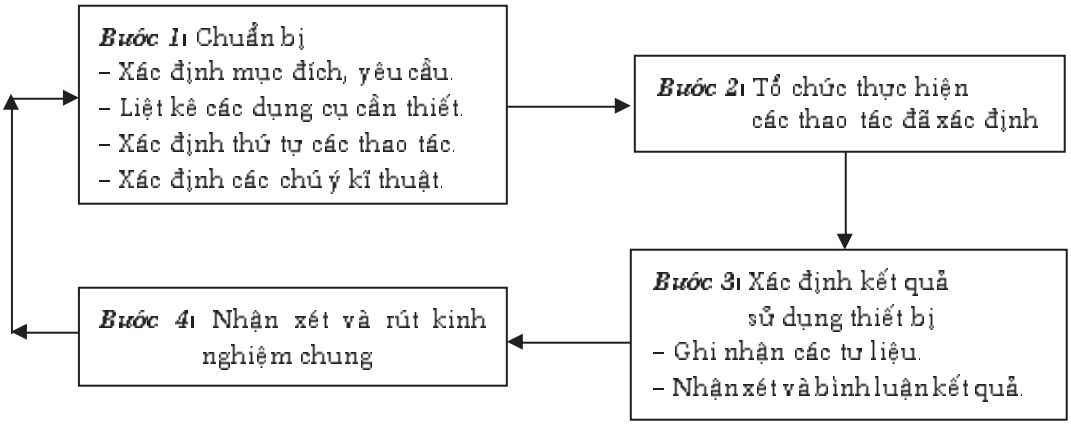

Sơ đồ 4. Quy trình chung sử dụng thiết bị dạy học

II. NHIỆM VỤ

1. Các cá nhân tự tìm hiểu hệ thống TBDH ở tiểu học.

2. Thực hành phân loại và tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của từng nhóm thiết bị.

3. Xác định các nguyên tắc cơ bản để sử dụng TBDH ở tiểu học có hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ

Hãy khoanh vào đáp án đúng nhất:

1. Hệ thống TBDH ở tiểu học được chia thành mấy nhóm?

A. 1 nhóm. **B. 2 nhóm.** **C. 3 nhóm.** **D. 4 nhóm.**

2. Nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất khi sử dụng TBDH ở tiểu học là:

A. Quan niệm đúng về việc sử dụng TBDH.

B. Sử dụng TBDH phải phù hợp với mức độ yêu cầu và nội dung bài học của từng lớp.

C. Thao tác chính xác, rõ ràng, đúng trình tự, có dụng ý sư phạm xác định.

D. Chuyển dần, chuyển kịp thời các phương tiện trực quan từ dạng cụ thể sang dạng trừu tượng hơn.

E. Không lạm dụng TBDH.

3. Quy trình sử dụng TBDH ở tiểu học bao gồm:

A. 3 bước. B. 4 bước. C. 5 bước. D. 6 bước.

4. Minh hoạ việc sử dụng TBDH ở tiểu học thông qua một bài học cụ thể.

IV. THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. B

2. C

3. B

Hoạt động 4: Thực hành sử dụng một số thiết bị dạy học ở tiểu học

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Thiết bị dạy học hiện đại

1.1. Khả năng sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại trong dạy học

- Phóng to các nội dung thông tin cần biểu diễn cho HS.
- Cung cấp cho HS kiến thức một cách chắc chắn và chính xác.
- Nội dung thông tin phong phú, đa dạng, hình thức biểu diễn đẹp, sinh động.
- Rút ngắn thời gian trình bày thông tin, tăng cường hoạt động của thầy và trò.
- Thể hiện được những yếu tố mà trong thực tế khó hoặc không biểu diễn được.
- Dễ gây cảm tình và sự chú ý của HS.

1.2. Các nguyên tắc sử dụng thiết bị dạy học hiện đại

Ba nguyên tắc khi sử dụng TBDH hiện đại:

- An toàn:
+ An toàn điện;
+ An toàn thị giác;
+ An toàn thính giác.
- Vừa sức:
+ Sử dụng TBDH hiện đại đúng lúc;
+ Sử dụng TBDH hiện đại đúng chỗ;
+ Sử dụng TBDH hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu.
- Hiệu quả:
+ Hiệu quả sư phạm;
+ Hiệu quả kinh tế.

1.3. Máy chiếu qua đầu

* *Công dụng, nguyên tắc hoạt động của thiết bị*:

– Công dụng: Máy chiếu qua đầu là thiết bị được sử dụng để phóng to và chiếu văn bản và hình ảnh tĩnh có trên phim nhựa trong lên màn hình để phục vụ việc trình bày.

– Nguyên tắc hoạt động: Nhờ nguồn sáng công suất lớn và hệ thống quang học, hình trên phim trong được chiếu và phóng to trên màn hình kích thước lớn.

* *Hình dạng, cấu tạo*:

Các máy chiếu qua đầu thường bao gồm các bộ phận chính như sau:

– Thấu kính: tiếp nhận, hội tụ và phóng chiếu nguồn sáng từ bóng đèn công suất lớn.

– Gương hắt: tiếp nhận hình chiếu và giúp điều chỉnh góc chiếu thích hợp trên màn hình.

– Tay chỉnh tiêu cự: giúp tinh chỉnh tiêu cự nhằm tạo ra hình ảnh rõ ràng nhất.

– Nguồn và công tắc nguồn: Là nơi cắm dây điện và công tắc bật – tắt nguồn điện.

– Thân máy: là phần chứa một số bộ phận: nguồn sáng, thấu kính, quạt thông gió, gương hắt,...

– Thông khí: Các lỗ thông khí được bố trí hai bên thân máy có tác dụng toả nhiệt từ quạt thông gió.

* *Lắp đặt, vận hành sử dụng*:

Việc lắp đặt máy chiếu qua đầu được tiến hành theo các bước sau:

– *Bước 1*: Dùng tay trái giữ thân máy, đồng thời tay phải gạt lấy bên sườn máy để đưa tay chỉnh tiêu cự lên vuông góc với thân máy.

– *Bước 2*: Nâng giá đỡ kính hắt để đạt được vị trí thích hợp.

– *Bước 3*: Cắm nguồn điện và bật nguồn bằng công tắc điện.

– *Bước 4*: Chỉnh tiêu cự bằng cách điều chỉnh tay chỉnh tiêu cự nhằm đạt được khuôn hình và độ nét tối ưu.

Khi không sử dụng trong thời gian dài nên tắt máy. Tránh di chuyển khi máy còn nóng và tránh va đập.

Khi kết thúc sử dụng, cần tháo lắp máy chiếu ngược lại các thao tác khi lắp đặt.

* *Chế tạo phim chiếu bằng phim trong*:

Nguyên vật liệu: giấy trong, bút viết, máy tính, máy in (máy photocopy).

Có hai cách: thủ công hoặc bằng máy tính và máy in.

1.4. Máy chiếu đa năng

* *Công dụng, nguyên tắc hoạt động của thiết bị*:

– Công dụng: Máy chiếu hình đa phương tiện (máy chiếu LCD) được sử dụng để phóng to và chiếu hình ảnh tĩnh và động từ các nguồn khác nhau như băng hình, đĩa hình, máy chiếu vật thể và các sản phẩm phần mềm từ máy tính lên màn hình phục vụ việc trình bày.

– Nguyên tắc hoạt động: Các loại tín hiệu hình ảnh đầu vào khác nhau được máy chiếu hình đa phương tiện nhận dạng và xử lí. Sau đó các tín hiệu này được hệ thống đèn chiếu sáng công suất lớn và hệ thống quang học phóng chiếu trên màn hình lớn.

* *Hình dạng, cấu tạo*: Máy chiếu hình đa phương tiện có các thành phần cấu tạo cơ bản sau:

– Bộ phận ống kính;
– Bảng điều khiển;
– Bảng kết nối thiết bị;
– Công tắc nguồn điện;
– Cáp nguồn, cáp kết nối, giắc cắm;
– Chân điều chỉnh độ cao;
– Điều khiển từ xa;
– Thông khí.

* *Lắp đặt, vận hành sử dụng*:

– *Bước 1*: Bố trí vị trí thích hợp: bằng phẳng, chắc chắn. Lưu ý khoảng cách thích hợp giữa màn chiếu và máy chiếu.

– *Bước 2*: Kết nối máy chiếu hình đa phương tiện với các thiết bị ngoại vi: các thiết bị ngoại vi được kết nối với bảng kết nối (các giắc cắm tại bảng kết nối phù hợp với các tiêu chuẩn giắc cắm khác nhau của các thiết bị ngoại vi).

– *Bước 3*: Chỉnh chế độ làm việc, chất lượng hình ảnh và âm thanh cơ bản.

Sau khi tìm được vị trí thích hợp và vững chắc cho máy chiếu, việc hiệu chỉnh chế độ làm việc, hình ảnh và âm thanh được tiến hành như sau:

+ Cắm dây nguồn của máy chiếu hình đa phương tiện và bật công tắc điện. Điều chỉnh vị trí máy sao cho vào đúng khuôn hình của màn chiếu.
+ Chỉnh chế độ thăng bằng của máy chiếu hình đa phương tiện.
+ Bật một trong những nguồn phát hình đã được kết nối để kiểm tra hình ảnh.
+ Dùng bảng điều khiển hoặc điều khiển từ xa để chỉnh chế độ làm việc, chất lượng hình ảnh và âm thanh.
+ Kiểm tra hình ảnh lần cuối tại những góc khó quan sát nhất.

* *Thiết kế, chế tạo nội dung trình chiếu*: Nội dung trình chiếu của máy chiếu hình đa phương tiện có thể lấy từ:

– Các chương trình băng, đĩa hình thông qua đầu video, đầu CD,...
– Mẫu vật thể, phim chiếu, vật thật, sách,... thông qua máy chiếu vật thể.
– Các phần mềm dạy học.
– Tự thiết kế, chế tạo bằng các công cụ có sẵn như: Powerpoint, Word,...

* *Các nguyên tắc sử dụng máy chiếu hình đa phương tiện*:

Khi sử dụng máy chiếu hình đa phương tiện, cần tuyệt đối tuân thủ một số yêu cầu sau:

– Khi không sử dụng hoặc trong thời gian nghỉ dài, cần chuyển sang chế độ chờ (Standby) hoặc tắt hẳn.
– Sau khi kết thúc, nếu muốn tắt máy phải chuyển sang chế độ chờ, đợi đến khi quạt gió ngừng hẳn mới được tắt công tắc nguồn (khoảng 5 – 7 phút).
– Khi máy chiếu hình đa phương tiện còn nóng, không nên di chuyển máy; tránh va đập, không làm xước gương hay thấu kính.

2. Thực hành sử dụng thiết bị dạy học trong môn Toán

* *Quan niệm*: TBDH Toán bao gồm những phương tiện vật chất có chứa thông tin về nội dung dạy học môn Toán.

* *Các thiết bị dạy học chủ yếu trong môn Toán ở tiểu học*

– Vật thật hoặc hình ảnh của vật thật: hoa, quả,...
– Vật tượng trưng, mô hình: que tính, thẻ que tính, các tấm hình vuông, hình tròn,...
– Các dụng cụ đo lường: thước, cân, chai, ca, lít,...
– Bảng phụ, thanh cài.
– Các hình minh hoạ trong SGK Toán có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến dạy học nội dung bài học.

– Các phương tiện kĩ thuật: máy chiếu qua đầu, máy chiếu đa năng, tivi, đầu DVD, VCD,..., đĩa mềm.

* *Thiết bị dạy học cụ thể ở từng lớp*:

DANH MỤC

Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học – môn Toán

(Kèm theo Thông tư số 15/2009/TT–BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
1	THTH2001	Bộ hình vuông, hình tròn, hình tam giác	Gồm: – 10 hình vuông kích thước 40 × 40mm, có màu tươi sáng. – 8 hình tròn đường kính 40mm, có màu tươi sáng. – 8 hình tam giác đều cạnh 40mm, có màu tươi sáng. – 2 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 50mm, có màu tươi sáng. – 2 hình tam giác vuông có 2 cạnh góc vuông 40mm; 60mm, có màu tươi sáng.	×		1
2	THTH2002	Bộ hình vuông, hình tròn,	Gồm: – 10 hình vuông kích thước 160 × 160mm, có màu tươi sáng.		×	1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		hình tam giác	– 8 hình tròn đường kính 160mm, có màu tươi sáng. – 8 hình tam giác đều cạnh 160mm, có màu tươi sáng. – 2 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 200mm, có màu tươi sáng. – 2 hình tam giác vuông có 2 cạnh góc vuông 160mm; 240mm, có màu tươi sáng.			
3	THTH2003	Bộ chữ số, dấu phép tính, dấu so sánh	Gồm: – Các chữ số từ 0 đến 9 (mỗi chữ số có 4 thẻ chữ) có kích thước 30 × 50mm, in chữ màu và gắn được lên bảng. – Các dấu phép tính, dấu so sánh (mỗi dấu 2 thẻ) có kích thước 30 × 50mm, in chữ màu và gắn được lên bảng.	×		1, 2
4	THTH2004	Bộ chữ số, dấu phép tính, dấu so sánh	Gồm: – Các chữ số từ 0 đến 9 (mỗi chữ số có 4 thẻ chữ) có kích thước 40 × 75mm, in chữ màu và gắn được lên bảng.		×	1, 2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			– Các dấu phép tính, dấu so sánh (mỗi dấu 2 thẻ) cỡ kích thước 40 × 75mm, in chữ màu và gắn được lên bảng.			
5	THTH2005	Bộ thiết bị dạy phép cộng, phép trừ	Loại 20 que tính có chiều dài 100mm và 10 mô hình bó chục in trên giấy couché (theo mô hình SGK), có màu tươi sáng.	×		1, 2
6	THTH2006	Bộ thiết bị dạy phép cộng, phép trừ	Loại 20 que tính có chiều dài 200mm và 10 mô hình bó chục in trên giấy couché (theo mô hình SGK), có màu tươi sáng.		×	1, 2
7	THTH2007	Mô hình đồng hồ	Quay được cả kim giờ, kim phút.		×	1, 2
8	THTH2008	Bộ hình vuông, hình tròn	Gồm 40 hình vuông, mỗi hình có kích thước 40 × 40mm, một mặt trắng, một mặt in từ 2 đến 5 hình tròn màu xanh hoặc đỏ.	×		2
9	THTH2009	Bộ chai và ca 1 lít	Gồm 1 chai và 1 ca, tiêu chuẩn TCVN.		×	2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
10	THTH2010	Bộ hình chữ nhật, hình tứ giác và hình tam giác	Gồm: – 2 hình chữ nhật có kích thước 40 × 80mm, có màu tươi sáng. – 2 hình tứ giác kích thước cạnh ngắn nhất 30mm, cạnh dài nhất 70mm, có màu tươi sáng. – 8 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 40mm, có màu tươi sáng.	×		2, 3
11	THTH2011	Bộ hình chữ nhật, hình tứ giác và ghép hình	Gồm: – 2 hình chữ nhật có kích thước 80 × 160mm, có màu tươi sáng. – 2 hình tứ giác kích thước cạnh ngắn nhất 60mm, cạnh dài nhất 140mm, có màu tươi sáng. – 8 hình vuông cân có cạnh 80mm để ghép hình, có màu tươi sáng.		×	2, 3
12	THTH2012	Cân đĩa kèm hộp quả cân	Gồm: – Cân loại 5kg. – Quả cân loại: 10g; 20g; 50g; 100g; 200g; 500g; 1kg; 2kg (mỗi		×	2, 3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			loại 2 quả). (Có thể thay thế bằng cân đồng hồ)			
13	THTH2013	Bộ TBDH số có ba chữ số	Gồm: – 10 bảng trăm (hình vuông có 100 ô vuông cạnh 10mm). – 10 thẻ 10 ô vuông. – 10 ô vuông lẻ cạnh 10mm có kẻ vạch màu.	×	×	2, 3
14	THTH2014	Lưới ô vuông	Tấm phẳng trong suốt, kẻ ô vuông một chiều 10 ô, một chiều 20 ô. Ô vuông có kích thước 10 × 10mm.		×	3
15	THTH2015	Bộ thẻ ghi số: 1; 10; 100; 1000; 10000; 100000	Gồm: – 9 tấm phẳng hình chữ nhật ghi số 1000, 10000, 100000 có kích thước 60 × 90mm, có màu tươi sáng. – 9 tấm phẳng hình elíp ghi số 1; 10; 100, nằm trong hình chữ nhật, có kích thước 60 × 40mm, có màu tươi sáng. – 9 tấm phẳng hình chữ nhật ghi số 1000, 10000 có kích thước 60 × 40mm, có màu tươi sáng.	×		3, 4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
16	THTH2016	Ê ke	Kích thước các cạnh 300 × 400 × 500mm.		×	3, 4, 5
17	THTH2017	Com pa	Kích thước từ 300mm đến 400mm, 1 chân gắn phấn, 1 chân có kim và bộ phận bảo vệ không làm hỏng mặt bảng.		×	3, 4, 5
18	THTH2018	Bộ hình bình hành	Gồm 2 hình có cạnh dài 80mm, cao 50mm, góc nhọn 60°, chiều dày của vật liệu tối thiểu là 1,2mm (trong đó 1 hình nguyên, 1 hình cắt làm hai theo đường cao h = 50mm).	×		4
19	THTH2019	Bộ hình bình hành	Gồm 2 hình màu xanh có ban có kích thước cạnh dài 240mm, đường cao 160mm, chiều dày của vật liệu tối thiểu là 1,5mm, góc nhọn 60° (trong đó 1 hình giữ nguyên, 1 hình cắt làm 2 phần theo đường cao h = 160mm).		×	4
20	THTH2020	Bộ hình thoi	Gồm: 2 hình có hai đường chéo 80mm và 60mm, chiều dày của vật liệu tối thiểu là	×		4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			1,2mm (trong đó 1 hình giữ nguyên và 1 hình cắt làm 3 hình tam giác theo đường chéo dài và nửa đường chéo ngắn).			
21	THTH2021	Bộ hình thoi	Gồm 2 hình màu đỏ có kích thước 2 đường chéo là 300mm và 160mm, chiều dày của vật liệu tối thiểu là 1,5mm (1 hình giữ nguyên, 1 hình cắt làm 3 hình tam giác theo đường chéo dài và nửa đường chéo ngắn).		x	4
22	THTH2022	Bộ hình tròn (dạy phân số)	Gồm 9 hình tròn 160mm, chiều dày của vật liệu tối thiểu là 1,5mm, màu sáng (trong đó có 5 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, sơn màu đỏ 1/4 hình; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, đường viền theo chu vi và đường kẻ chia (không tiếp xúc với phần sơn) là		x	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			nét kẻ đứt rộng 1mm, sơn đỏ 1/4; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, toàn bộ hình tròn sơn màu đỏ; 1 hình được chia thành 2 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, sơn đỏ 1/2 hình; 1 hình được chia thành 6 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, sơn đỏ 5/6 hình tròn).			
23	THTH2023	Bộ hình tròn (dạy phân số)	Gồm: 9 hình tròn 40mm, độ dày vật liệu tối thiểu là 1,2mm, màu sáng (trong đó có 5 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, sơn màu đỏ 1/4 hình; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, đường viền theo chu vi và đường kẻ chia (không tiếp xúc với phần sơn) là	x		4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			nét kẻ đứt rộng 1mm, sơn đỏ 1/4; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, toàn bộ hình tròn sơn màu đỏ; 1 hình được chia thành 2 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, sơn đỏ 1/2 hình; 1 hình được chia thành 6 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, sơn đỏ 5/6 hình tròn).			
24	THTH2024	Bộ hình tròn động (dạy phân số)	Gồm 2 hình tròn 160mm, độ dày vật liệu tối thiểu là 1,5mm, chuyển động quay tương đối với nhau thông qua trục nối tâm có vòng đệm ở giữa; một hình trong suốt, một hình màu tối (mỗi hình: được chia thành 8 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ, sơn màu đỏ 1/2 hình tròn. Các đường bao, đường nối tâm, có chiều rộng 1mm).		x	4, 5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
25	THTH2025	Bộ hình tròn động (dạy phân số)	Gồm 2 hình tròn 40mm, độ dày vật liệu tối thiểu là 1,2mm, chuyển động quay tương đối với nhau thông qua trục nối tâm có vòng đệm ở giữa; một hình trong suốt, một hình màu tối (mỗi hình: được chia thành 8 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ, sơn màu đỏ 1/2 hình tròn. Các đường bao, đường nối tâm có chiều rộng 1mm).	x		4
26	THTH2026	Bộ hình vuông (dạy phân số)	Gồm 4 hình vuông có kích thước 160 x 160mm, màu trắng (trong đó có 3 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, 1/4 hình có màu xanh cô ban; và 1 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, riêng phần không màu là nét kẻ đứt, 3/4 hình có màu xanh cô ban).		x	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
27	THTH2027	Bộ hình vuông (dạy phân số)	Gồm 4 hình vuông có kích thước 40 × 40mm, màu trắng (trong đó có 3 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, 1/4 hình có màu xanh cô ban; và 1 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1mm, riêng phần không màu là nét kẻ đứt, 3/4 hình có màu xanh cô ban).	×		4
28	THTH2028	Mét vuông	Kích thước 1250 × 1030mm; bảng được kẻ thành các ô có kích thước 100 × 100mm, nét kẻ rộng 1,5mm màu trắng.		×	4
29	THTH2029	Bộ hình tròn (dạy số thập phân)	Gồm: – 9 hình tròn đường kính 40mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2mm. – 5 hình tròn đường kính 200mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm có màu trắng, viền đen rộng 1mm (trong đó có 2 hình,		×	5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			mỗi hình có một mặt màu đỏ một mặt màu trắng kẻ đường chia làm 8 phần bằng nhau; 1 hình có 2 vạch chia làm 4 phần bằng nhau, màu đỏ 3/4; 1 hình có 1 vạch chia làm 2 phần bằng nhau, màu đỏ 1/2; 1 hình có 2 vạch chia làm 4 phần bằng nhau, màu đỏ 1/4. Tất cả các chi tiết gắn được trên bảng từ).			
30	THTH2030	Bộ hình tròn (dạy số thập phân)	Gồm 4 hình tròn đường kính 40mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2mm, có viền đen rộng 0,5mm (trong đó có 2 hình, một mặt màu đỏ; 1 hình có 2 vạch chia làm 4 phần bằng nhau, sơn màu đỏ 3/4; 1 hình có một vạch chia làm 2 phần bằng nhau, sơn màu đỏ 1/2).	x		5
31	THTH2031	Bộ hình tròn động (dạy số thập phân)	Gồm 2 hình tròn có kích thước đường kính 160mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,5mm. Các hình chuyển động quay		x	4, 5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			tương đối với nhau thông qua trục nối tâm có vòng đệm ở giữa (một hình trong suốt, một hình màu tối. Mỗi hình được chia thành 8 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ, màu đỏ 1/2 hình tròn. Các đường bao, đường nối tâm có chiều rộng 1mm).			
32	THTH2032	Bộ hình tròn động (dạy số thập phân)	Gồm: 2 hình tròn đường kính 40mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2mm. Các hình chuyển động quay tương đối với nhau thông qua trục nối tâm có vòng đệm ở giữa (một hình trong suốt, một hình màu tối. Mỗi hình được chia thành 8 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ, màu đỏ 1/2 hình tròn. Các đường bao, đường nối tâm có chiều rộng 1mm).	×		4
33	THTH2033	Bộ hình vuông	Gồm 4 hình vuông cạnh 40mm, độ dày của vật liệu tối thiểu	×		5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		(dạy số thập phân)	là 1,2mm, màu trắng, có viền đen 0,5mm (trong đó 2 hình gồm một mặt màu xanh, 1 mặt màu trắng có vạch chia qua tâm làm 8 phần bằng nhau; 1 hình có 2 vạch chia làm 4 phần, màu xanh cô ban 1/4; 1 hình có vạch chia làm 8 phần, màu xanh cô ban 5/8).			
34	THTH2034	Hình thang	Gồm 2 hình thang bằng nhau, kích thước đáy lớn 280mm, đáy nhỏ 200mm, chiều cao 150mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm, màu đỏ, đường cao màu trắng (trong đó có 1 hình thang giữ nguyên; 1 hình thang cắt ra 2 phần ghép lại được hình tam giác).		x	5
35	THTH2035	Hình thang	Gồm 2 hình thang bằng nhau, kích thước hai đáy 80mm và 50mm, chiều cao 40mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2mm, màu đỏ, kẻ đường cao (trong đó	x		5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			có 1 hình thang giữ nguyên; 1 hình thang cắt ra 2 phần ghép lại được hình tam giác).			
36	THTH2036	Bộ hình tam giác	Gồm 2 hình tam giác bằng nhau, kích thước cạnh đáy 250mm, cạnh xiên 220mm, cao 150mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm, màu xanh cô ban (trong đó có 1 hình tam giác giữ nguyên, có đường cao màu đen; 1 hình cắt thành 2 tam giác theo đường cao để ghép với hình trên được hình chữ nhật).		x	5
37	THTH2037	Bộ hình tam giác	Gồm: 2 hình tam giác bằng nhau, kích thước đáy 80mm, cao 40mm, một góc 60^0, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2mm, màu xanh cô ban (trong đó có 1 hình tam giác giữ nguyên, có kẻ đường cao; 1 hình tam giác cắt theo đường cao thành 2 tam giác để ghép với hình trên được hình chữ nhật 80 x 40mm).	x		5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
38	THTH2038	Bộ hình hộp chữ nhật	Gồm: – 1 hình hộp chữ nhật kích thước 200 × 160 × 100mm, 4 mặt xung quanh màu trắng, 2 đáy màu đỏ, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm, các mặt liên kết với nhau bằng màng PET 0,05mm, có thể mở ra thành hình khai triển của hình hộp chữ nhật (gắn được trên bảng từ). – 1 hình hộp chữ nhật biểu diễn cách tính thể tích, kích thước trong hộp 200 × 160 × 100mm, trong suốt, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm. Bên trong chứa 1 tấm đáy 200 × 160 × 10mm và 1 cột 10 × 10 × 90mm, sơn ô vuông 10 × 10mm bằng hai màu trắng, đỏ.		×	5
39	THTH2039	Bộ hình lập phương	Gồm: – 1 hình lập phương cạnh 200mm, 4 mặt xung quanh màu trắng, 2 mặt đáy màu đỏ, độ dày của vật		×	5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			liệu tối thiểu là 2mm, các mặt liên kết với nhau bằng màng PET 0,05mm, có thể mở ra thành hình khai triển của hình lập phương (gắn được trên bảng từ). – 1 hình lập phương cạnh 100mm biểu diễn thể tích 1dm^3, trong suốt, bên trong chứa 1 tấm đáy có kích thước 100 × 100 × 10mm và 1 cột 10 × 10 × 90mm, ô vuông 10 × 10mm có hai màu xanh, trắng. – 12 hình lập phương cạnh 40mm (trong đó có 6 hình màu xanh cô ban, 6 hình màu trắng).			
40	THTH2040	Hình trụ	Vật liệu trong suốt, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm, đáy có đường kính 100mm, chiều cao 150mm.		×	5
41	THTH2041	Hình cầu	Vật liệu màu đỏ trong suốt, độ dày của vật liệu tối thiểu là 3mm, đường kính 200mm; giá đỡ có đường kính 90mm, chiều cao		×	5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			20mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2mm.			
42	THTH2042	Thước đo độ dài	Chiều dài 20cm, chia vạch đến mm, cm, dm.	×		1, 2, 3, 4, 5
43	THTH2043	Thước đo độ dài	Chiều dài 50cm, chia vạch đến mm, cm, dm.		×	1, 2, 3, 4, 5
44	THTH2044	Thước đo độ dài	Chiều dài 1m, có tay cầm ở giữa, chia vạch đến cm, dm.		×	1, 2, 3, 4, 5

* *Đặc điểm chung của bộ đồ dùng dạy Toán và bộ đồ dùng học Toán*:

– Cùng số lượng và chủng loại các đồ dùng, chỉ khác nhau về kích thước.

– Mỗi đồ dùng hoặc nhóm đồ dùng dạy học Toán có thể sử dụng để hỗ trợ dạy – học ở nhiều bài khác nhau.

– Các chi tiết, đồ dùng dạy học có quan hệ mật thiết với các hình minh hoạ trong SGK. Cụ thể:

+ Mỗi chi tiết, mỗi đồ dùng là mô hình thực tế và trực quan của một hình minh hoạ nào đó trong SGK.

+ Bộ đồ dùng dạy – học có thể thay thế nhiều hình minh hoạ trong SGK, giúp GV và HS thể hiện đầy đủ các thao tác của một quy trình học tập.

* *Minh hoạ việc khai thác và sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học trong bài: "Phép cộng trong phạm vi 7" (Toán 1)*:

1) Chuẩn bị đồ dùng:

– 7 khuôn hình tam giác;

– 7 khuôn hình vuông;

– 7 khuôn hình tròn;

– 2 khuôn hình số 1;

– 2 khuôn hình số 2;

– 2 khuôn hình số 3;

– 2 khuôn hình số 4;
– 2 khuôn hình số 5;
– 2 khuôn hình số 6;
– 2 khuôn hình số 7;
– Bảng cài.

2) Phương pháp sử dụng:

– Yêu cầu HS lấy ra 6 hình tam giác, sau đó lấy thêm 1 hình tam giác nữa.
– Yêu cầu HS nêu tình huống: Có 6 hình tam giác, thêm 1 hình tam giác. Hỏi có tất cả mấy hình tam giác?
– Yêu cầu HS tiến hành thao tác gộp (đếm các hình tam giác) để tìm kết quả.
– GV xác nhận và thực hiện thao tác:
+ Thao tác 1: Gắn 6 hình tam giác lên bảng.
+ Thao tác 2: Gắn thêm 1 hình tam giác vào phía bên phải bảng cài.
+ Thao tác 3: Chỉ vào các hình tam giác và yêu cầu HS nêu phép tính: 6 + 1 = 7.
+ Thao tác 4: Viết phép tính: 6 + 1 = 7 sang phía trái bảng.
– Yêu cầu HS đọc: 6 + 1 = 7.
– GV chỉ vào các hình tam giác và nêu tình huống khác: Có 1 hình tam giác, thêm 6 hình tam giác. Hỏi có tất cả mấy hình tam giác?
– Yêu cầu HS nêu phép tính: 1 + 6 = 7.
– GV viết phép tính: 1 + 6 = 7 sang phía phải bảng.
– Yêu cầu HS nhận xét kết quả của hai phép tính: 6 + 1 = 7 và 1 + 6 = 7.

Đối với phép cộng 5 + 2; 2 + 5; 4 + 3; 3 + 4 thực hiện tương tự như trên đối với hình vuông, hình tròn.

3. Thực hành sử dụng một số thiết bị dạy học trong môn Tiếng Việt

* *Một số loại thiết bị dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*

– Tranh, ảnh:

– Biểu bảng:

Bảng: Hệ thống hoá, ôn luyện vần (Tiếng Việt 1, tập một)
Tìm tiếng có vần đã học (theo mẫu)

1	2	3	4	5	6	7
sàn	cam	lạc	bát	đạp	vải – bay	dao – cau
sắn	tầm	sắc	cắt	bắp		
cân	tấm	gấc	tất	mập	mây	trâu
ngọn	xóm	cóc	sọt	cọp	voi	
thôn	tôm	cốc	tốt	hộp	nôi	

– Bản đồ.

– Bộ chữ:

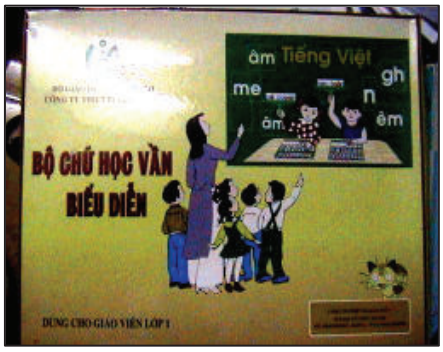

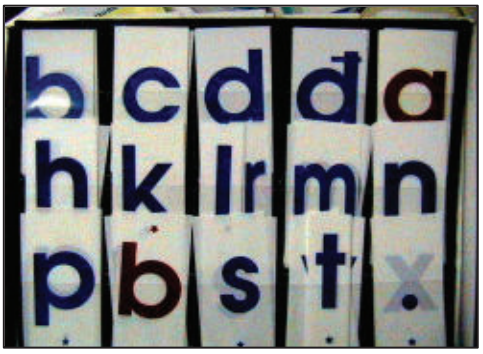

– Dụng cụ:

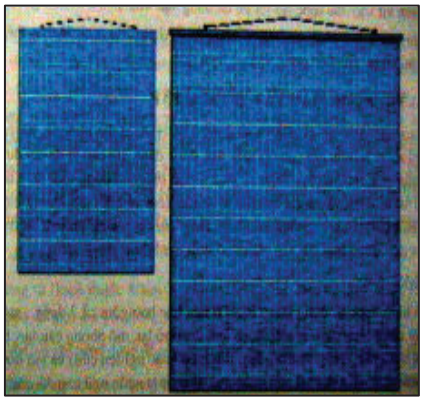

– Mô hình:

– Mẫu vật:

– Phim đèn chiếu, Băng ghi âm, Băng ghi hình.

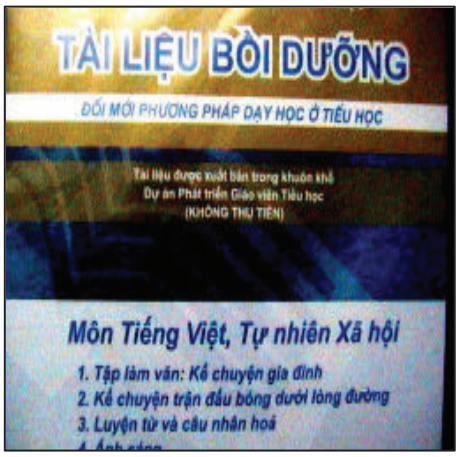

* *Thiết bị dùng chung:*

DANH MỤC

Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học – môn Tiếng Việt

(Kèm theo Thông tư số 15/2009/TT–BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
A	Tranh, ảnh					
1	THTV1001	Bộ mẫu chữ viết trong trường Tiểu học	Gồm 8 tờ, kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1, 2, 3
2	THTV1002	Bộ chữ dạy tập viết	Gồm 40 tờ, kích thước 210 × 290mm dung sai 10mm, in từng chữ cái, chữ số trên giấy couché, định lượng 200g/m^2.	×	×	1, 2, 3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
Tranh Kể chuyện lớp 1 (23 tờ)						
3	THTV1003	Mèo dạy Hổ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
4	THTV1004	Anh nông dân và Con Cò	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
5	THTV1005	Thỏ và Sư Tử	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
6	THTV1006	Thánh Gióng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
7	THTV1007	Khỉ và Rùa	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
8	THTV1008	Cây khế	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
9	THTV1009	Sói và Cừu	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
10	THTV1010	Chia phần	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
11	THTV1011	Quạ và Công	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
12	THTV1012	Đi tìm bạn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
13	THTV1013	Chuột nhà và Chuột	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu	×	×	1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		đồng	trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
14	THTV1014	Anh chàng ngốc và Con Ngỗng vàng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
15	THTV1015	Chú Gà Trống khôn ngoan	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
16	THTV1016	Truyện kể mãi không hết	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
17	THTV1017	Rùa và Thỏ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
18	THTV1018	Trí khôn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
19	THTV1019	Bông hoa Cúc Trắng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
20	THTV1020	Niềm vui bất ngờ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
21	THTV1021	Sỏi và Sóc	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
22	THTV1022	Dê con nghe lời mẹ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
23	THTV1023	Con Rồng cháu Tiên	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
24	THTV1024	Cô chủ không biết quý tình bạn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định	×	×	1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
25	THTV1025	Hai tiếng kì lạ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	1
Tranh Kể chuyện lớp 2 (21 tờ)						
26	THTV1026	Cô công mài sắt, có ngày nên kim	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
27	THTV1027	Bạn của Nai Nhỏ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
28	THTV1028	Bím tóc đuôi sam	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
29	THTV1029	Chiếc bút mực	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
30	THTV1030	Mẩu giấy vụn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
31	THTV1031	Người mẹ hiền	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
32	THTV1032	Bà cháu	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
33	THTV1033	Bông hoa Niềm Vui	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
34	THTV1034	Câu chuyện bỏ đũa	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
35	THTV1035	Con chó nhà hàng xóm	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu	×	×	2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
36	THTV1036	Tìm ngọc	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
37	THTV1037	Chuyện bốn mùa	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
38	THTV1038	Ông Mạnh thắng Thần Gió	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
39	THTV1039	Bác sĩ Sói	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
40	THTV1040	Quả tim khỉ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
41	THTV1041	Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
42	THTV1042	Tôm Càng và Cá Con	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
43	THTV1043	Ai ngoan sẽ được thưởng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
44	THTV1044	Chiếc rễ đa tròn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
45	THTV1045	Chuyện quả bầu	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
46	THTV1046	Bóp nát quả cam	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu	×	×	2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
Tranh Kể chuyện lớp 3 (17 tờ)						
47	THTV1047	Cậu bé thông minh	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
48	THTV1048	Ai có lỗi?	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
49	THTV1049	Người lính dũng cảm	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
50	THTV1050	Bài tập làm văn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
51	THTV1051	Giọng quê hương	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
52	THTV1052	Đất quý, đất yêu	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
53	THTV1053	Người liên lạc nhỏ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
54	THTV1054	Hũ bạc của người cha	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
55	THTV1055	Mồ Côi xử kiện	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
56	THTV1056	Hai Bà Trưng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
57	THTV1057	Nhà ảo thuật	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu	×	×	3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
58	THTV1058	Đối đáp với Vua	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
59	THTV1059	Sự tích lễ hội Chử Đồng Tử	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
60	THTV1060	Cuộc chạy đua trong rừng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
61	THTV1061	Bác sĩ Y-éc-xanh	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
62	THTV1062	Người đi săn và Con Vượn	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
63	THTV1063	Cóc kiện Trời	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ.	×	×	3
Tranh Kể chuyện lớp 4 (11 tờ)						
64	THTV1064	Sự tích hồ Ba Bể	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ.	×	×	4
65	THTV1065	Một nhà thơ chân chính	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ.	×	×	4
66	THTV1066	Lời ước dưới trăng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ.	×	×	4
67	THTV1067	Bàn chân kì diệu	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ.	×	×	4
68	THTV1068	Búp bê của ai?	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
69	THTV1069	Một phát minh nho nhỏ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
70	THTV1070	Bác đánh cá và gã hung thần	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
71	THTV1071	Con vịt xấu xí	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
72	THTV1072	Những chú bé không chết	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
73	THTV1073	Đôi cánh của Ngựa Trắng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
74	THTV1074	Khát vọng sống	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
Bộ tranh Tập làm văn lớp 4						
Tranh đồ vật (7 tờ)						
75	THTV1075	Trống trường	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
76	THTV1076	Nón	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
77	THTV1077	Xe đạp	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
78	THTV1078	Cặp sách	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
79	THTV1079	Gấu bông	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
80	THTV1080	Cối xay lúa	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
81	THTV1081	Cái diều	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
Tranh con vật (9 tờ)						
82	THTV1082	Con công	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
83	THTV1083	Con ngựa	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
84	THTV1084	Con tê tê	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
85	THTV1085	Con ngan	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
86	THTV1086	Con vẹt	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
87	THTV1087	Con gà trống	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
88	THTV1088	Con chim gáy	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
89	THTV1089	Con mèo	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
90	THTV1090	Con đại bàng	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
Tranh cây cối (10 tờ)						
91	THTV1091	Cây cà chua	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
92	THTV1092	Cây sầu riêng	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
93	THTV1093	Cây hoa mai	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
94	THTV1094	Cây bàng	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
95	THTV1095	Cây xoan	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
96	THTV1096	Cây ngô	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
97	THTV1097	Cây vải	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
98	THTV1098	Cây hoa đào	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
99	THTV1099	Cây phượng	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
100	THTV1100	Cây gạo	Kích thước 420 × 290mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
Tranh Kể chuyện lớp 5 (10 tờ)						
101	THTV1101	Lý Tự Trọng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
102	THTV1102	Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
103	THTV1103	Cây cỏ nước Nam	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
104	THTV1104	Người đi săn và Con Nai	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
105	THTV1105	Pat-xtơ và em bé	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
106	THTV1106	Chiếc đồng hồ	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset	×	×	5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
107	THTV1107	Ông Nguyễn Khoa Đăng	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
108	THTV1108	Vì muôn dân	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
109	THTV1109	Lớp trưởng lớp tôi	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
110	THTV1110	Nhà vô địch	Kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
B	Dụng cụ					
111	THTV2111	Bộ chữ Học vần thực hành	Gồm 80 thẻ chữ, kích thước 20 × 60mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 72, in đậm): *d, đ, k, p, q, r, s, v,*	×		1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			x, y (mỗi chữ cái có 2 thẻ); *a, ă, â, b, c, e, ê, g, i, l, n, o, ô, ơ, u, ư* (mỗi chữ cái có 3 thẻ); *h, m, t* (mỗi chữ cái có 4 thẻ). Dấu ghi thanh in trên 12 mảnh nhựa trong, dùng để cài lên quân chữ: *hỏi, ngã, nặng* (mỗi dấu có 2 mảnh), *huyền, sắc* (mỗi dấu có 3 mảnh).			
112	THTV2112	Bộ chữ Học vần biểu diễn	Gồm 97 thẻ chữ, kích thước 60 × 90mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 150, in đậm): *b, d, đ, e, l, o, r, s, v, x* (mỗi chữ cái có 2 thẻ); *ă, â, q* (mỗi chữ cái có 3 thẻ); *a, c, ê, g, i, k, m, o, ô, p, u, ư, y* (mỗi chữ cái có 4 thẻ), *n, t* (mỗi chữ cái có 5 thẻ); *h* (6 thẻ). Dấu ghi thanh (*huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng*), dấu câu (*dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi*) in trên mảnh nhựa trong (mỗi dấu có 2 mảnh). – Các thẻ được in 2 mặt (chữ màu đỏ), một mặt in chữ cái thường, mặt sau in chữ cái hoa tương ứng.	×	×	1

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			– Bảng phụ có 6 thanh nẹp gắn chữ (6 dòng), kích thước 1000 × 900mm.			

* *Phương pháp sử dụng thiết bị dạy học Tiếng Việt trong một số phân môn*:

– *Sử dụng TBDH trong phân môn Học vần*:

Trong phân môn Học vần, TBDH được sử dụng với mục đích giúp HS hiểu được ý nghĩa của từ mẫu, câu mẫu, từ, câu ứng dụng, củng cố, và có biểu tượng đúng về các sự vật, hiện tượng.

Nhìn chung khi cho HS quan sát các hình ảnh, mô hình, mẫu vật,... GV cần có sự gợi mở để trẻ nắm được những đặc điểm cơ bản của đối tượng sau đó chuyển ngay sang giảng giải các kí hiệu trừu tượng là âm, vần, từ mẫu,... Tránh khai thác hình ảnh, mẫu vật một cách tuỳ tiện, chệch hướng; song cũng cần tránh tình trạng cho HS xem một cách qua loa, đại khái, không giúp ích gì cho việc hiểu thấu đáo nội dung bài học.

Có những mẫu vật, mô hình chỉ trong quá trình vận động mới bộc lộ được những đặc điểm bản chất của chúng (ô tô, com-pa, máy tuốt lúa, xe ben,...). Vì thế, khi sử dụng, nên khai thác triệt để các yếu tố động để giúp cho việc truyền thụ kiến thức âm, vần trở nên dễ hiểu, hấp dẫn hơn.

Có những từ mẫu, từ ứng dụng là những động từ, cụm động từ: ngoe nguẩy, huơ tay, nguây nguẩy,... Khi sử dụng các mẫu vật, mô hình để giảng giải các từ này, cần phối hợp với những động tác, cử chỉ của GV hoặc HS để giúp cho việc truyền đạt kiến thức dễ dàng hơn.

– *Sử dụng TBDH trong phân môn Tập đọc*:

Trong dạy học Tập đọc, có thể sử dụng nhiều TBDH trực quan: đó là trực quan nghe (giọng nói, giọng đọc của GV, băng ghi âm,...); trực quan nhìn (quan sát dáng điệu, động tác của GV, quan sát tranh, ảnh, mẫu vật, mô hình,...) và trực quan nghe – nhìn (băng, đĩa ghi hình,...).

– *Sử dụng tranh ảnh trong giờ Tập đọc, Học thuộc lòng*:

+ Sử dụng tranh ảnh minh hoạ giúp cho việc hiểu và cảm thụ bài đọc thêm sâu sắc.

+ Giúp cho việc giảng giải từ ngữ trong bài tập đọc đạt hiệu quả.
+ Tranh ảnh giới thiệu người thực, việc thực làm cho giá trị chân thực của nội dung được khẳng định; tính thuyết phục, sức truyền cảm của nội dung được nâng cao.

- Sử dụng mẫu vật, mô hình trong giờ Tập đọc, Học thuộc lòng như: hoa mai vàng, quả sầu riêng, đàn tơ-rưng,...
- Sử dụng bản đồ trong giờ Tập đọc, Học thuộc lòng: Bản đồ Việt Nam, quần đảo Trường Sa.
- Sử dụng băng ghi âm trong giờ Tập đọc, Học thuộc lòng: tiếng gà gáy, ngâm thơ, ca hát,...
- Sử dụng băng ghi hình, máy chiếu nhằm minh hoạ những hình ảnh động,...

– *Sử dụng TBDH trong phân môn Kể chuyện*:

Phân môn Kể chuyện có tác dụng về nhiều mặt như bồi dưỡng tâm hồn, trau dồi vốn sống, vốn từ ngữ, vốn văn học, phát triển trí tưởng tượng, năng lực trí tuệ.

Sử dụng TBDH trong giờ Kể chuyện là rất cần thiết, điều đó đã được khẳng định trong chương trình, SGK và SGV. Tuy nhiên, không nhất thiết truyện nào cũng cần có TBDH minh hoạ. Những truyện có tình tiết đơn giản, nhân vật, sự vật được đề cập đến quá quen thuộc, gần gũi với cuộc sống hằng ngày thì không nên sử dụng TBDH. Song đối với những truyện đề cập đến những đối tượng xa lạ với cuộc sống hằng ngày, các em chưa có những hiểu biết đầy đủ về những điều được đề cập đến trong truyện lại cần thiết phải sử dụng TBDH để minh hoạ.

Khi hướng dẫn HS tìm hiểu tranh minh hoạ truyện đọc, GV cần chú ý miêu tả các nhân vật, miêu tả khung cảnh môi trường nơi nhân vật hoạt động nhằm khắc sâu những hình ảnh, tình tiết quan trọng, giúp HS tưởng tượng đúng hướng.

Sử dụng TBDH có tác dụng rất to lớn trong việc giúp cho trẻ dễ dàng ghi nhớ nội dung câu chuyện. Song mục đích của giờ Kể chuyện là rèn luyện kĩ năng kể chuyện một cách lưu loát, có sức truyền cảm tới người nghe. Do vậy sử dụng TBDH trong giờ Kể chuyện giúp trẻ ghi nhớ nội dung câu chuyện cũng chỉ là bước chuẩn bị, là giai đoạn tập dượt cho HS từ chỗ kể chuyện có điểm tựa là tranh, ảnh đến chỗ HS phải tự kể bằng sự hiểu biết, bằng trí nhớ và sự cảm thụ của chính mình.

– *Sử dụng TBDH trong phân môn Tập viết*:

Nhiệm vụ chính của môn Tập viết là luyện cho HS viết đúng mẫu, chữ đẹp, rõ ràng, và rèn luyện cho HS tính cẩn thận.

Trong các tiết dạy Tập viết, GV không những phải chú ý tới quy trình viết, hình dáng, kích thước của các chữ cái mà còn phải chú ý tới kĩ thuật viết chữ liền mạch.

Khi sử dụng bộ chữ để hướng dẫn tập viết, cần lưu ý:

+ Giới thiệu khung chữ (in màu đỏ) để HS nắm được chiều cao, chiều rộng của từng chữ cái.
+ Hướng dẫn quy trình viết: GV treo chữ mẫu, hướng dẫn HS quan sát tổng quát (nhận biết mặt chữ, giới hạn khung chữ, mũi tên chỉ trình tự viết), sau đó GV dùng que chỉ tô theo từng nét, đồng thời giảng giải kĩ cách đặt bút, rê bút, lia bút.
+ Dùng phấn màu viết lại một lần nữa để khắc sâu.
+ Cho HS viết trên bảng con, trên vở để luyện tập, củng cố, rèn kĩ năng.

– *Sử dụng TBDH trong phân môn Tập làm văn*:

Tập làm văn là tập sử dụng ngôn ngữ để phản ánh hiện thực, biểu hiện tư tưởng, tình cảm của mình theo những yêu cầu nhất định của đề tài.

Một số chú ý khi sử dụng TBDH trong phân môn Tập làm văn:

+ Sử dụng sơ đồ, biểu bảng, mô hình nhằm thể hiện dàn ý, bố cục bài văn.
+ Sử dụng vật thực: Trong giờ Tập làm văn miêu tả cần sử dụng nhiều để HS quan sát tổng thể, bằng nhiều giác quan, từ đó có cảm nhận sâu sắc để viết văn hay, sinh động.
+ Sử dụng tranh ảnh để gợi HS tái hiện những đặc điểm của sự vật, tái hiện những hình ảnh HS đã được quan sát trong thực tế cuộc sống.

TBDH trong phân môn Tập làm văn có nhiều loại khác nhau: vật thực, tranh ảnh, băng ghi hình,... Song tuỳ theo yêu cầu của mỗi bài Tập làm văn mà chúng được sử dụng ở những mức độ khác nhau. Có những dạng bài không cần sử dụng tranh, ảnh minh hoạ mà chỉ cần dùng lời giúp HS phát triển khả năng tư duy, trí tưởng tượng, óc sáng tạo như: điền từ vào chỗ trống, trả lời câu hỏi ngắn thành bài,... Có những loại bài lại đòi hỏi nhất thiết phải sử dụng TBDH như: quan sát tranh và trả lời câu hỏi, miêu tả đồ vật,...

– *Sử dụng TBDH trong phân môn Luyện từ và câu*:

Sử dụng TBDH trong phân môn Luyện từ và câu mang lại hiệu quả rất cao, giúp HS hiểu và nhớ lâu nghĩa của những từ ngữ, những mô hình câu đã học.

Một số lưu ý khi sử dụng TBDH trong phân môn Luyện từ và câu:

+ Sử dụng TBDH kèm giảng giải, gợi mở, định nghĩa phù hợp với HS từng vùng.
+ Nên sử dụng tranh ảnh trong khi dạy từ loại, luyện câu.
+ Dùng sơ đồ, mô hình để lập mô hình phân tích câu, hệ thống hoá kiến thức, ôn tập, tổng kết chương, bài.
+ Sử dụng TBDH nhằm tạo ra một số trò chơi để các em học tập hứng thú hơn.

4. Thiết bị dạy học trong các môn học tự nhiên và xã hội

* *Vai trò của thiết bị dạy học trong dạy học các môn học: Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học*:

Đối với các môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, TBDH là phương tiện dạy học rất quan trọng, thể hiện trên ba mặt:

– Là phương tiện minh hoạ kiến thức;
– Là phương tiện nâng cao năng lực tư duy;
– Là phương tiện rèn luyện năng lực thực hành.

* *Một số loại thiết bị dạy học chủ yếu trong dạy học các môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học*:

– Vật thật và mẫu vật.
– Tranh.
– Ảnh.
– Mô hình.
– Dụng cụ thí nghiệm.
– Sơ đồ, bảng biểu, bản đồ.
– Phiếu học tập.
– Các phương tiện nghe nhìn,...

* *Danh mục tối thiểu*:

DANH MỤC

Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học

môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học

(Kèm theo Thông tư số 15/2009/TT–BGDĐT ngày 16/7/2009

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
A	Tranh, ảnh					
1	THTK1001	Bộ xương	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché cỏ định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ. 10 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché cỏ định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
2	THTK1002	Hệ cơ	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché cỏ định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ. 7 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu, trên giấy couché cỏ định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
3	THTK1003	Cơ quan	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai	×	×	2

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		tiêu hoá	10mm, in offset 4 màu trên giấy couché cỏ định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ. 10 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché cỏ định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
4	THTK1004	Sự tiêu hoá thức ăn ở khoang miệng, dạ dày, ruột non, ruột già	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché cỏ định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	2
5	THTK1005	Cơ quan hô hấp	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché cỏ định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ. 5 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché cỏ định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
6	THTK1006	Cơ quan	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai	×	×	3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		tuần hoàn	10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
			2 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
7	THTK1007	Cơ quan bài tiết nước tiểu	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
			5 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
8	THTK1008	Cơ quan thần kinh	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3
			7 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
9	THTK1009	Sơ đồ vòng	Tranh câm, kích thước 790 × 540mm dung sai	×	×	3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		tuần hoàn	10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.			
			7 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
10	THTK1010	Một số cơ quan trực tiếp tham gia quá trình trao đổi chất của cơ thể người với môi trường	Tranh câm, kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
			14 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
11	THTK1011	Tháp dinh dưỡng cân đối	Tranh câm, kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
			14 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một			

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
			38 thẻ cài tranh, kích thước 50 × 50mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
12	THTK1012	Sơ đồ *"Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên"*	Tranh câm, kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	4
			3 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
13	THTK1013	Sơ đồ *"Sự trao đổi chất ở cây xanh"*	Tranh câm, kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu; 6 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu; 2 thẻ cài tranh kích thước 50 × 50mm, in 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	3, 4
			6 thẻ cài tranh, kích thước 30 × 80mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			2 thẻ cài tranh, kích thước 50 × 50mm, in một màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.			
14	THTK1014	Bộ tranh về những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn về điện	Gồm 9 tranh, kích thước 130 × 190mm, dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 150g/m^2, cán láng OPP mờ.	×	×	5
15	THTK1015	Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa	Tranh câm, kích thước 540 × 790mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên vật liệu viết, xoá được nhiều lần.	×	×	5
B	Dụng cụ					
16	THTK2016	Mô hình Trái Đất quay quanh	Chuyển động bằng quay tay, điện hoặc dùng pin theo quy luật tự nhiên; vật liệu đảm bảo độ bền cơ học.	×	×	3

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
		Mặt Trời và Mặt Trăng quay quanh Trái Đất				
17	THTK2017	Hộp đối lưu	Đảm bảo độ kín, mặt trước cần trong suốt, chất liệu không bị nóng chảy khi làm thí nghiệm có đốt cháy.	×	×	4
18	THTK2018	Hộp thí nghiệm "*Vai trò của ánh sáng*"	Kích thước 350 × 200 × 67mm, độ dày vật liệu là 3mm, nắp có kích thước 350 × 200 × 3mm có gờ tháo lắp được, mặt trong nhám có hộp để đựng 2 pin tiểu 1,5V; kích thước đầu hộp 200 x 67mm có kích thước khe nhìn 10 × 50mm; có rãnh để cài hai miếng kính (một trong, một mờ) kích thước 35 × 59mm; kèm theo đèn pin dùng hai pin tiểu 1,5V.	×	×	4
19	THTK2019	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	Gồm: – Ống trụ 1: gồm hai ống trong suốt, có kích thước đường kính 80mm và dài 200mm, một đầu kín, một đầu hở. Đầu kín có một lỗ	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			tròn được đậy bằng nắp cô đường kính 30mm. Thân ống chia vạch 10mm (hai màu đen và trắng). – Ống trụ 2: một ống trong suốt, cô kích thước đường kính 80mm và dài 120mm, một đầu kín, một đầu hở. Đầu kín cô một lỗ tròn được đậy bằng nắp cô đường kính 30mm. Thân ống chia vạch 10mm (hai màu đen và trắng). – Khay: kích thước miệng khoảng 173 x 134mm, đáy 150 x 110mm, cao 68mm. – Đĩa đèn: kích thước miệng khoảng Φ57mm, đáy Φ59mm, cao 9mm.			
20	THTK2020	Bộ thí nghiệm sự giãn nở vì nhiệt của chất lỏng	Gồm: – Bình tam giác bằng thuỷ tinh trung tính, dung tích 50ml, nút cao su giữa cô lỗ Φ6mm để cắm ống thuỷ tinh. – Ống thuỷ tinh bằng thuỷ tinh trong, thẳng, hở hai đầu, đường kính ngoài 6mm, đường kính trong 3mm, dài 200mm. – Bảng chia vạch chữ U bằng nhựa PVC, cô độ dày tối thiểu 0,8mm,	×	×	4

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			được chia vạch từ 0 đến 150mm.			
21	THTK2021	Nhiệt kế	Thang đo 0 – 100°C, độ chia nhỏ nhất 1°C.	×	×	4
22	THTK2022	Nhiệt kế y tế	Loại thông dụng.	×	×	4
23	THTK2023	Bộ thí nghiệm phân loại tơ sợi	Gồm: – Các loại sợi thiên nhiên (lanh, tơ tằm, bông, gai, đay). – Các loại sợi nhân tạo (5 cuộn sợi chất liệu khác nhau). – Panh gắp loại thông dụng, có độ dài tối thiểu 60mm.	×	×	5
24	THTK2024	Bộ lắp mạch điện đơn giản	Gồm: – Pin 1,5V. – Bóng đèn 1,5V – 2,5V. – Hai đoạn dây. – Một số mảnh vật liệu dẫn điện, cách điện.	×	×	5
25	THTK2025	Mô hình bánh xe nước (3 chi tiết)	Gồm: – Phễu có kích thước miệng Φ80mm, cuống Φ10mm, dài 50mm. – Tua-bin và hệ thống phát điện: Buồng tua-bin kích thước 200mm, phía trên có ống đỡ phễu cao 45mm, dưới có lỗ thoát nước; Tua-bin nước có 8	×	×	5

STT	Mã thiết bị	Tên thiết bị	Mô tả chi tiết	Đối tượng sử dụng		Dùng cho lớp
				HS	GV	
			cánh, một bánh răng kích thước Φ48mm, một trục kích thước Φ4mm và một bánh đai kích thước Φ70mm; Đế có giá đỡ buồng tua-bin, trên đế có gắn máy phát điện và đèn LED; Máy phát điện đủ làm sáng một đèn LED, bánh đai kích thước Φ10mm; Đai truyền bằng cao su nối hai bánh đai. – Khay chứa nước có dung tích 1,5 lít, đỡ vừa đế tua-bin.			

II. NHIỆM VỤ

1. Đọc kĩ thông tin hoạt động 4.

2. Hãy thực hành lắp đặt, vận hành sử dụng máy chiếu qua đầu và máy chiếu đa phương tiện. Trong qua trình sử dụng, chúng ta cần chú ý những điều gì?

3. Trao đổi và thảo luận nhóm về phương pháp sử dụng TBDH trong các môn học Toán, Tiếng Việt và các môn học về tự nhiên và xã hội.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Hãy phân tích những thuận lợi khi sử dụng các TBDH hiện đại trong dạy học ở tiểu học hiện nay.

2. Trong quá trình sử dụng các bộ TBDH môn Toán, Tiếng Việt, bạn hãy rút ra những đặc điểm chung giữa bộ thiết bị dành cho GV và bộ thiết bị dành cho HS.

3. Hãy tự mình thiết kế kế hoạch một bài học trong đó có sử dụng TBDH để hình thành kiến thức mới cho HS tiểu học trong một bài học cụ thể.

2. Khi so sánh nhằm rút ra những đặc điểm chung giữa bộ thiết bị dành cho GV và bộ thiết bị dành cho HS, cần tập trung vào một số điểm sau:

- Hình thức thể hiện;
- Kích thước của các chi tiết;
- Tác dụng của từng bộ đồ dùng.

3. Khi thiết kế kế hoạch một bài học trong đó có sử dụng TBDH, cần nêu rõ:

- Tên các thiết bị được sử dụng trong bài;
- Mục tiêu của việc sử dụng các TBDH;
- Quy trình, thao tác sử dụng các TBDH;
- Hệ thống câu hỏi gợi ý khi sử dụng TBDH.

Hoạt động 5: Tự kiểm tra, đánh giá

Đánh giá sau khi học xong module:

Bài tập 1: Hãy trình bày khái niệm TBDH và nêu các chức năng, nhiệm vụ của nó.

Bài tập 2: TBDH có vai trò như thế nào trong xu thế đổi mới PPDH ở tiểu học hiện nay?

Bài tập 3: Hãy phân tích các nguyên tắc để sử dụng TBDH ở tiểu học sao cho có hiệu quả.

Bài tập 4: Khi sử dụng các TBDH hiện đại, chúng ta cần đảm bảo những nguyên tắc gì?

Bài tập 5: Có ý kiến cho rằng: "Các TBDH ở tiểu học hết sức đơn giản, vì vậy khi sử dụng, chúng ta chỉ cần chú ý đến phương pháp sử dụng".

Anh (chị) hãy phân tích và đánh giá về ý kiến trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Đình Hoan, Nguyễn Ấng, Đỗ Tiến Đạt, Đào Thái Lai, *Sử dụng thiết bị dạy học môn Toán ở các lớp 1, 2, 3*, NXB Giáo dục, 2004.
2. Nguyễn Duy Hứa, Đỗ Kim Minh, *Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học môn Toán ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 1998.
3. Đỗ Huân, *Sử dụng thiết bị nghe nhìn trong dạy và học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
4. Đàm Hồng Quỳnh, *Hướng dẫn sử dụng và tự làm thiết bị dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học*, NXB Giáo dục, 2002.
5. Nguyễn Mạnh Hưởng (Chủ biên), Phan Đình Minh, *Hướng dẫn sử dụng đồ dùng dạy học môn Tiếng Việt tiểu học theo chương trình tiểu học mới*, NXB Giáo dục, 2006.
6. *Hướng dẫn sử dụng đồ dùng dạy học lớp 4 theo chương trình mới* – Vụ Giáo dục tiểu học, NXB Giáo dục, 2005.
7. *Hướng dẫn sử dụng đồ dùng dạy học lớp 5 theo chương trình mới* – Vụ Giáo dục tiểu học, NXB Giáo dục, 2006.